**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**1. Ma trận**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết**  (Số câu) | | **Thông hiểu**  (Số câu) | | **Vận dụng**  (Số câu) | | **Vận dụng cao**  (Số câu) | |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |
| **1** | **Đọc** | Thơ trữ tình | 4 | 0 | 3 | 1 | 0 | 1 | 0 | 1 | 60 |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học (thơ trữ tình). | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1 | 40 |
| **Tỉ lệ điểm từng loại câu hỏi** | | | ***20%*** | ***10%*** | ***15%*** | ***25%*** | ***0*** | ***20%*** | ***0*** | ***10%*** | **100** |
| **Tỉ lệ điểm các mức độ nhận thức** | | | **30%** | | **40%** | | **20%** | | **10%** | |
| **Tổng % điểm** | | | **70%** | | | | **30%** | | | |

**2. Bảng đặc tả minh họa**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **T**  **T** | **Kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/Kĩ năng** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận Dụng | Vận dụng cao |
| **1** | **Đọc** | Thơ trữ tình | **Nhận biết:**  - *(1)* Nhận biết được *thể thơ,* từ ngữ, vần, nhịp, đối và các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - *(2)* Nhận biết được *bố cục*, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  - *(3)* Nhận biết được *nhân vật trữ tình*, chủ thể trữ tình trong bài thơ  - *(4)* Nhận biết được *nhịp điệu*, giọng điệu trong bài thơ.  **Thông hiểu:**  - *(5)* *Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình* thể hiện trong bài thơ.  - *(6)* *Phân tích được giá trị biểu đạt, giá trị thẩm mĩ của từ ngữ*, hình ảnh, vần, nhịp và các *(7)* *biện pháp tu từ* được sử dụng trong bài thơ.  - *(8)* *Nêu được cảm hứng chủ đạo*, *chủ đề, thông điệp* mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  **Vận dụng:**  - *(9)* *Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân* do bài thơ gợi ra.  - Vận dụng những hiểu biết về tác giả Nguyễn Trãi để đánh giá ý nghĩa, giá trị của thơ Nguyễn Trãi.  **Vận dụng cao:**  - Vận dụng những hiểu biết về bối cảnh lịch sử - văn hoá được thể hiện trong bài thơ để *(10)* *lí giải ý nghĩa, thông điệp của bài thơ.*  - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. | **4** câu  TN | **3** câu  TN  **1** câu  TL | **1** câu TL | **1** câu TL |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá mộttác phẩm văn học  (thơ trữ tình) | **Nhận biết**:  - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, thể loại,… của tác phẩm.  - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm văn học.  **Thông hiểu**:  - Triển khai vấn đề nghị luận thành những luận điểm phù hợp. Phân tích được những đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật và chủ đề của tác phẩm.  - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.  - Đảm bảo cấu trúc của một văn bản nghị luận; đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.  **Vận dụng**:  - Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm.  - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm).  **Vận dụng cao**:  - Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của nội dung và hình thức tác phẩm.  - Thể hiện rõ quan điểm, cá tính trong bài viết; sáng tạo trong cách diễn đạt. | **1**\* | **1**\* | **1**\* | **1**câu  TL |

**3. Đề kiểm tra minh họa**

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

*Thời gian làm bài: 90 phút*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

***NGÔN CHÍ***

*(BÀI SỐ 3)*

*Am trúc hiên mai ngày tháng qua,*

*Thị phi nào đến cõi yên hà.*

*Bữa ăn dầu có dưa muối,*

*Áo mặc nài chi gấm là.*

*Nước dưỡng (1) cho thanh, trì thưởng nguyệt,*

*Đất cày ngõ ải (2), lảnh ương hoa.*

*Trong khi (3)hứng động vừa đêm tuyết,*

*Ngâm được câu thần dặng dặng ca (4).*

***(Nguyễn Trãi – Toàn tập, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1976, tr.396)***

***Chú thích:***

*(1) Nước dưỡng: giữ nước ao cho trong để bóng trăng chiếu xuống cho đẹp mà thưởng ngoạn.*

*(2) Ngõ ải:ngõ hầu cho đất ải ra (Đất cày rõ ải); Lảnh: tương đương với luống.*

*(3) Trong khi: hòng khi.*

*(4) Dặng dặng ca: dặng tiếng mà ngâm mà ca.*

**Lựa chọn đáp án đúng:**

1. Bài thơ Ngôn chí (số 3) thuộc thể thơ:

A. Thất ngôn Đường luật.

B. Thất ngôn xen lục ngôn.

C. Thất ngôn bát cú.

D. Thất ngôn cổ điển.

2. Dòng nào sau đây nêu đúng trình tự kết cấu của bài thơ trên?

A. Thực – luận – đề – kết.

B. Đề – thực – luận – kết.

C. Thừa – khai– chuyển – hợp.

D. Khai – thừa – chuyển – hợp.

3. Nguyễn Trãi - nhân vật trữ tình trong bài thơ được mệnh danh là:

A. Đại thi hào dân tộc ở thế kỉ XV.

B. Nhà thơ lớn của dân tộc ở thế kỉ XV.

C. Anh hùng - nghệ sĩ ở thế kỉ XV.

D. Danh nhân văn hóa nhân loại (1980).

4. Cách ngắt nhịp chủ yếu trong bài thơ là nhịp:

A. 4/3.

B. 3/3.

C. 3/4.

D. 2/2/3.

5. Tình cảm nổi bật trong bài thơ là nhà thơ Nguyễn Trãi thực sự gắn bó với:

A. Cuộc sống làng quê “*am trúc hiên mai ngày tháng qua*”.

B. Cuộc sống yên ả *“thị phi nào đến cõi yên hà”.*

C. Cuộc sống làm dâng trào nguồn cảm xúc yêu đời.

D. Cuộc sống có môi trường thiên nhiên lành mạnh.

6. Việc sử dụng phép đối cân xứng về từ loại và ngữ nghĩa ở hai câu thơ (*Bữa ăn dầu có dưa muối/Áo mặc nài chi gấm là)* có tác dụng gì?

A. Tượng trưng cho cuộc sống vật chất giản dị, thanh đạm.

B. Kể lại cuộc sống hằng ngày của nhà thơ nơi làng quê.

C. Khẳng định sự lựa chọn một cuộc sống vật chất giản dị.

D. Tượng trưng cho cuộc sống thanh nhàn nơi quê nhà.

7. Trong bài thơ, tình yêu thiên nhiên của nhà thơ được thể hiện chủ yếu qua phép tu từ:

A. Liệt kê.

B. Đối lập.

C. Nhân hóa.

D. Phóng đại.

**Trả lời các câu hỏi**:

8. Theo anh/ chị, nhà thơ muốn bộc lộ, giãi bày tâm trạng gì qua sự miêu tả cuộc sống nơi thôn quê?

9. Qua tâm trạng của nhà thơ Nguyễn Trãi nơi cuộc sống thôn quê, anh/ chị rút ra được bài học gì cho bản thân mình?

10. Anh/ Chị có nghĩ rằng, ngày càng có nhiều người chọn cuộc sống như nhân vật trữ tình trong bài thơ không? Vì sao?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) phân tích, đánh giá nội dung và nghệ thuật của bài thơ:

**THUẬT HỨNG**

*(BÀI SỐ 24)*

*Công danh đã được hợp(1) về nhàn,  
Lành dữ âu chi(2) thế nghị khen.  
Ao cạn vớt bèo cấy muống,  
Đìa thanh phát cỏ ương sen.  
Kho thu phong nguyệt đầy qua nóc,  
Thuyền chở yên hà nặng vạy then.  
Bui có(3) một lòng trung lẫn hiếu,  
Mài chăng khuyết, nhuộm chăng đen.*

***(Nguyễn Trãi - Toàn tập, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1976, tr. 418-419)***

***Chú thích:***

*(1) Hợp:* nghĩa là “nên”, là “đáng.

*(2) Âu chi:* nghĩa là “lo chi”.

(3) *Bui có:* nghĩa là *“*chỉ có”.

**4. Đáp án minh họa:**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 10**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6.0** |
|  | **1** | B | 0.5 |
| **2** | B | 0.5 |
| **3** | D | 0.5 |
| **4** | A | 0.5 |
| **5** | C | 0.5 |
| **6** | C | 0.5 |
| **7** | A | 0.5 |
| **8** | Nhà thơ muốn giãi bày:   * Tâm trạng ung dung, thảnh thơi từ cuộc sống nơi làng quê. * Niềm thích thú với một cuộc sống tuy có phần đạm bạc nhưng thanh nhàn trong tâm hồn: *con người được sống hòa hợp với thiên nhiên vạn vật.* | 1.0 |
| **9** | - Nêu ra bài học cho bản thân.  - Lí giải lí do bản thân nêu bài học ấy. | 1.0 |
| **10** | - Nêu quan niệm của bản thân về việc có nhiều người chọn cuộc sống như nhân vật trữ tình trong bài thơ *(HS có thể trả lời có hoặc không).*  - Lí giải được những lí do nêu quan điểm như vậy *(HS lí giải phải thuyết phục).* | 0.5 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4.0** |
| *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận*  Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0.5 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ Nguyễn Trãi | 0.5 |
| *c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm*  HS có thể viết bài nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các yêu cầu sau: | 2.0 |
| - Giới thiệu ngắn gọn về tác giả *Nguyễn Trãi*, bài thơ *Thuật hứng 24* sáng tác lúc nhà thơ từ quan về quê ở ẩn.  - Đặc điểm về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm:  + Về nội dung: Nhà thơ vứt bỏ công danh, về Côn Sơn ở ẩn, sống cuộc đời thanh nhàn chan hoà với tạo vật; sống một cuộc đời ung dung, tự tại, cần mẫn, thanh bạch đáng tự hào; lấy “phong, nguyệt” làm bầu bạn, lấy “yên, hà” làm nguồn vui; biểu lộ niềm tự hào về lòng trung hiếu của mình đối với nước, với vua và với cha mẹ.  + Về nghệ thuật: Thể thơ thất ngôn xen lục ngôn; giọng thơ đủng đỉnh, khoan thai phản ánh một cuộc đời ung dung, tự tại; cấu trúc câu thơ cân xứng cho thấy phép đối được vận dụng thần tình...  - Nêu được bài học: Bài thơ thể hiện một cách đẹp đẽ sâu sắc những tư tưởng tình cảm cao đẹp của Ức Trai; vô cùng kính yêu và cảm phục Nguyễn Trãi - một nhân cách kẻ sĩ cao đẹp như vua Lê Thánh Tông đã ngợi ca: “Ức Trai tâm thượng quang Khuê tảo”. |
| *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0.5 |
| *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0.5 |
| **Tổng điểm** | | | **10.0** |

---HẾT---